

Bản án số 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24/02/2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa chị H với anh M.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- *Y phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

2. Ông Nguyễn M Chính

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 530/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Thế M (tức Phạm Văn M), sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tháng 09 năm 2003 chị kết hôn với anh Phạm Thế M. Trước khi kết hôn chị và anh M có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị về làm dâu nhà anh M ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống H thuận, hạnh phúc. Sau đó do chồng chị đi làm ăn xa, thường xuyên không ở nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn được mặn nồng như trước, vợ chồng ngày càng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị hai bên gia đình đều biết và động viên, khuyên bảo nhưng không Y. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở được hơn một năm, từ đó chị và anh M sống ly thân, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thế M.

Về con chung: Chị và anh Phạm Thế M sinh được 02 con chung là Phạm Thế Đ, sinh ngày 14/05/2004 và Phạm Thế Y, sinh ngày 13/10/2008. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Y, còn cháu Đ đã trưởng Y, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con cháu Y đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phạm Thế M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2003 anh kết hôn với chị Bùi Thị H. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị H về làm dâu nhà anh ngay. Từ khi kết hôn đến nay, anh chị vẫn sống H thuận, hạnh phúc. Khoảng 10 năm trước anh vào làm ăn tại quận 2, Y phố Hồ Chí Minh. Năm 2020, anh về quê, nhưng chị H đi làm ăn ở nơi khác, không trở về nhà. Anh chị đã sống ly thân được 10 năm. Mặc dù vậy, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H vẫn còn, chị H xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị H sinh được 02 con chung là Phạm Thế Đ, sinh ngày 14/05/2004 và Phạm Thế Y, sinh ngày 13/10/2008. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Y, còn cháu Đ đã trưởng Y, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu, tùy theo chị H

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía đương sự: Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Phạm Thế M. Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi cháu Y. Anh M phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H 1.000.000 đồng/tháng. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H kết hôn với anh Phạm Thế M trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam ngày 01/09/2003, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống H thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị H và anh M sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình

cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Cả hai lần Tòa án M hành H giải, anh M đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh M đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Phạm Thế M. Việc anh Bùi Thế M không nhất trí ly hôn chỉ làm kéo dài việc giải quyết vụ án.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Phạm Thế M sinh được 02 con chung là Phạm Thế Đ, sinh ngày 14/05/2004 và Phạm Thế Y, sinh ngày 13/10/2008. Cháu Đ đã trưởng Y nên không đặt ra xem xét. Ly hôn, chị có H và anh M đều có nguyện vọng được nuôi cháu Y. Xét cháu Y hiện nay đang ở với chị H, cháu vẫn ngoan, phát triển bình thường, cháu có nguyện vọng được ở với chị H. Vì vậy, giao cháu Phạm Thế Y cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Anh Phạm Thế M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Bùi Thị H ly hôn với anh Phạm Thế M (tức anh Phạm Văn M).

2. *Về con chung:* Giao cho chị Bùi Thị H nuôi con là Phạm Thế Y, sinh ngày 13/10/2008. Anh Phạm Thế M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh Phạm Thế M phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H 1.000.000đ(một triệu đồng)/tháng, kể từ ngày 24/02/2023 cho đến khi cháu Phạm Thế Y đủ 18 tuổi.

3. *Về án phí:* Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0014153 ngày 03 tháng 11 năm 2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Anh Phạm Thế M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã P;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân